

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11/12/2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025; Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 77/1999/NĐ-CP ngày 20/8/1999 của Chính phủ về việc giải thể các thị trấn nông trường, thành lập xã, thị trấn thuộc các huyện Mai Sơn, Bắc Yên và Mộc Châu, tỉnh Sơn La; Nghị định số 03/2007/NĐ-CP ngày 08/01/2007 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã; thành lập xã, thị trấn thuộc các huyện Mường La, Thuận Châu, Mộc Châu, tỉnh Sơn La;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;*

*Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-TTg ngày 25/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố Sơn La là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Sơn La;*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng số 1496/QĐ-BXD ngày 16/11/2018 công nhận thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La là đô thị loại IV; số 1008/QĐ-BXD ngày 28/10/2024 công nhận đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La đạt tiêu chí đô thị loại IV; số 1009/QĐ-BXD ngày 28/10/2024 công nhận*

*khu vực dự kiến thành lập phường thuộc đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Sơn La số 4025/QĐ-UBND ngày 14/12/2005 công nhận huyện lỵ Mường La là đô thị loại V; số 1771/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 công nhận Khu trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp là đô thị loại V; số 1225/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 công nhận Đô thị Sông Mã (thị trấn Sông Mã mở rộng), huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La đạt tiêu chí đô thị loại V; số 1263/QĐ-UBND ngày 30/6/2024 công nhận đô thị Yên Châu (thị trấn Yên Châu mở rộng), huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La đạt tiêu chí đô thị loại V; số 1264/QĐ-UBND ngày 30/6/2024 công nhận đô thị Thuận Châu (thị trấn Thuận Châu mở rộng), huyện Thuận Châu đạt tiêu chí đô thị loại V; số 1265/QĐ-UBND ngày 30/6/2024 công nhận đô thị Phù Yên (thị trấn Phù Yên mở rộng), huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đạt tiêu chí đô thị loại V; số 1266/QĐ-UBND ngày 30/6/2024 công nhận đô thị Quỳnh Nhai (khu vực dự kiến thành lập thị trấn Mường Giàng), huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đạt tiêu chí đô thị loại V;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 111/TTr-SXD ngày 04/02/2026, Báo cáo số 90/BC-SXD ngày 04/02/2026; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Phiên họp thứ 56, UBND tỉnh Khóa XV (tại Thông báo số 87/TB-VPUB ngày 26/02/2026 của Văn phòng UBND tỉnh).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh Sơn La, cụ thể như sau:

**1.** Danh mục đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh Sơn La: *Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.*

**2.** Danh mục các phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh Sơn La: *Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

**1.** Sở Xây dựng:

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu với UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý phát triển đô thị trên địa bàn.

- Chủ trì rà soát, tham mưu tổ chức lập, trình phê duyệt điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030 làm cơ sở xác định, định hướng phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai tổ chức lập và thực hiện kế hoạch phát triển đô thị và quy hoạch có liên quan; đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện công nhận loại đô thị, công nhận trình độ phát triển đô thị, triển khai khu vực phát triển đô thị trên địa bàn theo quy định; tổ chức lập đề án công nhận loại đô thị có phạm vi ranh giới nhiều hơn 01 đơn vị hành chính cấp xã.

- Hàng năm tham mưu tổ chức đánh giá việc thực hiện các nội dung được quy định trong chương trình, kế hoạch phát triển đô thị; định kỳ hoặc đột xuất tham mưu báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong lĩnh vực phát triển đô thị.

## 2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tích hợp các định hướng phát triển hệ thống đô thị vào điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí, đảm bảo kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để xây dựng, điều chỉnh, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, tổ chức lập đề án công nhận loại đô thị, báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị và công bố việc công nhận loại đô thị trên địa bàn theo quy định.

- Tham mưu bố trí nguồn vốn đầu tư công hoặc nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện khu vực phát triển đô thị (nếu có), các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn theo chương trình, kế hoạch phát triển đô thị đã được phê duyệt.

## 3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ danh mục được công bố tại Phụ lục số 01 Quyết định này, khẩn trương rà soát thực trạng phát triển đô thị trên địa bàn theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15; Các phường tại Phụ lục số 02 Quyết định này tổ chức xây dựng, trình phê duyệt hoặc thực hiện phê duyệt khi được phân cấp và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển đô thị trên địa bàn và các quy hoạch, kế hoạch khác có liên quan để bảo đảm hoàn thiện chất lượng đô thị theo quy định.

- Chủ trì tổ chức lập Đề án công nhận đô thị, báo cáo đánh giá trình độ phát triển đô thị trong trường hợp công nhận loại đô thị có phạm vi ranh giới trong đơn vị hành chính do mình quản lý; Bố trí nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư xây dựng các dự án, công trình trên địa bàn theo thẩm quyền thuộc diện quản lý và theo kế hoạch phát triển đô thị đã được phê duyệt (*đặc biệt là các công trình y tế, giáo dục và văn hóa cấp đô thị*).

- Triển khai thực hiện các quy định về phát triển đô thị thuộc thẩm quyền được giao theo quy định; chủ động huy động nguồn lực, kinh nghiệm, khoa học kỹ thuật trong phát triển đô thị; thực hiện kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý phát triển đô thị trên địa bàn theo thẩm quyền hoặc đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức rà soát, định kỳ đánh giá chất lượng đô thị, công bố công khai các chỉ tiêu phát triển đô thị cần đạt được theo từng giai đoạn của chương trình phát triển đô thị, kế hoạch phát triển đô thị; định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong lĩnh vực phát triển đô thị.

4. Các sở, ban, ngành: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng và UBND các xã, phường trong việc rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội (*đặc biệt là các công trình y tế, giáo dục và văn hóa cấp đô thị*), môi trường và kiến trúc cảnh quan theo quy định

tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

**1.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐVP; CVCK);
- Trung tâm Thông tin tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, THKT, Giang30b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đình Việt**

## PHỤ LỤC SỐ 01

Danh mục đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh Sơn La từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Sơn La)

TRƯỚC KHI SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH					SAU KHI CHUYỂN TIẾP				
TT	Tên đô thị	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Loại đô thị	Quyết định công nhận đô thị	TT	Tên đô thị	Phạm vi đô thị	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Loại đô thị
1	Thành phố Sơn La	323,51	II	Số 466/QĐ-TTg ngày 25/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ	1	<b>Đô thị Sơn La</b>	Các phường: Tô Hiệu, Chiềng An, Chiềng Cơi và Chiềng Sinh	323,51	II
2	Đô thị Mộc Châu (phạm vi toàn bộ thị xã Mộc Châu)	1.072,09	IV	Số 1008/QĐ-BXD ngày 28/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	2	<b>Đô thị Mộc Châu</b>	Các phường: Mộc Châu, Mộc Sơn, Vân Sơn, Thảo Nguyên và các xã: Đoàn Kết, Tân Yên, Lóng Sập, Chiềng Sơn	1.072,09	III
3	Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	13,68	IV	Số 1496/QĐ-BXD ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	3	<b>Đô thị Mai Sơn</b>	Khu vực trung tâm xã Mai Sơn - Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn (cũ)	13,68	III
4	Đô thị Sông Mã (thị trấn Sông Mã mở rộng), huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	15,04	V	Số 1225/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La	4	<b>Đô thị Sông Mã</b>	Khu vực trung tâm xã Sông Mã - Thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã (cũ)	15,04	III
5	Đô thị Phù Yên (thị trấn Phù Yên mở rộng), huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	14,84	V	Số 1265/QĐ-UBND ngày 30/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La	5	<b>Đô thị Phù Yên</b>	Khu vực trung tâm xã Phù Yên - Thị trấn Quang Huy, huyện Phù Yên (cũ)	14,84	III
6	Trung tâm huyện lỵ Mường La	34,85	V	Số 4025/QĐ-UBND ngày 14/12/2005 của UBND tỉnh; Số 03/2007/NĐ-CP ngày 08/01/2007 của Chính phủ	6	<b>Đô thị Mường La</b>	Khu vực trung tâm xã Mường La - Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La (cũ)	34,85	III

TRƯỚC KHI SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH					SAU KHI CHUYỂN TIẾP				
TT	Tên đô thị	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Loại đô thị	Quyết định công nhận đô thị	TT	Tên đô thị	Phạm vi đô thị	Diện tích (km <sup>2</sup> )	Loại đô thị
7	Đô thị Thuận Châu (thị trấn Thuận Châu mở rộng), huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	18,20	V	Số 1264/QĐ-UBND ngày 30/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	7	<b>Đô thị Thuận Châu</b>	Khu vực trung tâm xã Thuận Châu - Thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu (cũ)	18,20	III
8	Đô thị Yên Châu (thị trấn Yên Châu mở rộng), huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	15,75	V	Số 1263/QĐ-UBND ngày 30/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	8	<b>Đô thị Yên Châu</b>	Khu vực trung tâm xã Yên Châu - Thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu (cũ)	15,75	III
9	Khu trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp	4	V	Số 1771/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	9	<b>Đô thị Sốp Cộp</b>	Khu vực trung tâm xã Sốp Cộp - Trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp (cũ)	4	III
10	Đô thị Quỳnh Nhai (khu vực dự kiến thành lập thị trấn Mường Giàng), huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	67,97	V	Số 1266/QĐ-UBND ngày 30/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	10	<b>Đô thị Quỳnh Nhai</b>	Khu vực trung tâm xã Quỳnh Nhai - Thị trấn Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai (cũ)	67,97	III
11	Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	8,92	V	Số 77/1999/NĐ-CP ngày 20/8/1999 của Chính phủ	11	<b>Đô thị Bắc Yên</b>	Khu vực trung tâm xã Bắc Yên - Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên (cũ)	8,92	III

## PHỤ LỤC SỐ 02

**Danh mục phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính  
trong đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh Sơn La từ ngày 01 tháng 01 năm 2026**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2026 của UBND tỉnh Sơn La)

TRƯỚC KHI SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH				SAU KHI CHUYỂN TIẾP		
TT	Tên phường, xã	Mức trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị loại	Quyết định công nhận	TT	Tên phường	Mức trình độ phát triển đô thị trong đô thị loại
1	Phường Quyết Thắng			1	Phường Tô Hiệu	II
	Phường Tô Hiệu					
	Phường Chiềng Lê					
	Phường Quyết Tâm					
2	Phường Chiềng An			2	Phường Chiềng An	III
	Xã Chiềng Xôm					
	Xã Chiềng Đen					
3	Phường Chiềng Cơi			3	Phường Chiềng Cơi	III
	Xã Hua La					
	Xã Chiềng Cọ					
4	Phường Chiềng Sinh			4	Phường Chiềng Sinh	III
	Xã Chiềng Ngần					
5	Xã Chiềng Hắc			5	Phường Mộc Châu	III
	Phường Mộc Ly	IV				
	Phường Mường Sang	IV				
6	Phường Mộc Sơn	IV	Số 1009/QĐ-BXD ngày 28/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	6	Phường Mộc Sơn	III
	Phường Đông Sang	IV				
7	Phường Bình Minh	IV		7	Phường Vân Sơn	III
	Phường Vân Sơn	IV				
8	Phường Cờ đỏ	IV		8	Phường Thảo Nguyên	III
	Phường Thảo Nguyên	IV				